TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2026
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hùng

- Ông Đường Thanh Chánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Triệu Anh Thư- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ hôn nhân và gia đình án thụ lý số: 287/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn M, sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Tất cả đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2025, trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông Ngô Văn M trình bày:

Ông và bà S do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp mặt để bàn bạc hàn gắn đoàn tụ. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với bà S. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông có 02 người con chung tên Ngô Hữu L, sinh năm 1991 và Ngô Hữu H, sinh năm 1997, hiện hai con đã trưởng thành có công việc ổn định nên ông không có yêu cầu Tòa án xem xét. Về tài sản chung: tự thỏa thuận xong. Về nợ chung không có.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà thống nhất với ông M về điều kiện kết hôn hoàn cảnh tiến đến hôn nhân cũng như con chung. Nay ông M xin ly hôn bà không đồng ý vì bà còn thương chồng thương con. Vợ chồng có ly thân từ năm 2022 đến nay, nguyên nhân ly thân là do ông M đánh bà rất nhiều lần. Trong thời gian ly thân gia đình bên chồng có khuyên vợ chồng bà hàn gắn đoàn tụ nhưng ông M không đồng ý. Nguyên nhân chính vợ chồng bà mâu thuẫn là do ông M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà biết nhưng cũng không có ý kiến gì, được thì tiếp tục sống chung, không được thì vợ chồng sống riêng, cũng vì lý do đó mà vợ chồng bà ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì bà và ông M cũng không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ.

Về tài sản chung: Bà và ông M đã tự thỏa thuận phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2025 của ông Ngô Văn M đối với bà Nguyễn Thị S thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị S có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S do quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1990 và về sống chung như vợ chồng với nhau tại xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nay là xã Hưng Khánh Trung, tỉnh Vĩnh Long nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian ông bà sống hạnh phúc tương đối dài và có với nhau 02 con chung là Ngô Hữu L, sinh năm 1991 và Ngô Hữu H, sinh năm 1997. Nguyên nhân mất hạnh phúc theo ông M trình bày là do vợ chồng thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống, còn bà S trình bày là do ông M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên đánh bà rất nhiều lần. Ông M và bà S đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân ông bà không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ và đồng thời ông M xác định không còn tình cảm với bà S. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà S là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S không phải là vợ chồng theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S có 02 con chung tên Ngô Hữu L, sinh năm 1991 và Ngô Hữu H, sinh năm 1997, hiện hai con chng đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Ngô Văn M có nghĩa vụ chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

- Căn cứ các điều 9, điều 14, điều 15, điều 16, điều 51, khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và

Bộ Tư pháp ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn M đối với bà Nguyễn Thị S, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S có 02 con chung tên Ngô Hữu L, sinh năm 1991 và Ngô Hữu H, sinh năm 1997, hiện hai con chng đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, đồng thời ông M và bà S cũng không có yêu cầu nào khác nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị S trình bày không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Ngô Văn M có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00010274 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Vĩnh Long (1b);
- VKSND Khu vực 6 – Vĩnh Long (2b);
- UBND xã Hưng Khánh Trung (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm